

Bản án số: 14/2021/HS-ST

Ngày: 18 - 01 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;

2. Ông Ngô Hữu Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thái Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 167/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2020/HSST-QĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn L, sinh năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, Khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Nguyên làm nghề tài xế xe ô tô; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Con ông Nguyễn V và bà Phan N; Có vợ và 04 (bốn) người con (Con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/11/2008, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định truy nã số 37 đối với bị cáo Nguyễn L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2020, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Nguyễn T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số E, Khu phố G, phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Chu Q, sinh năm 1947; địa chỉ: Số L, ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

2. Bà Phạm M, sinh năm 1970; địa chỉ: Số S ấp M, xã Đ, huyện P, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

3. Ông Phạm PT, sinh năm 1968; địa chỉ: Số Q khóm R, phường CP, thành phố E, tỉnh An Giang (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn S, sinh năm 1977; địa chỉ: Số T, Khu phố Y, phường U, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo làm nghề tài xế xe ô tô và thường thuê xe để chở khách hợp đồng nhưng bị cáo không có xe ô tô. Qua bạn bè giới thiệu, bị cáo đã có vài lần đến thuê theo ngày chiếc xe ô tô hiệu Mazda màu trắng, biển số 56K-2200 của ông Nguyễn T để sử dụng. Do có nhu cầu thuê xe dài hạn sử dụng nên bị cáo hỏi ông T cho thuê xe dài hạn và ông T đồng ý.

Ngày 20/9/2007, Nguyễn L ký hợp đồng thuê xe ô tô hiệu Mazda màu trắng, biển số 56K-2200 của ông Nguyễn T tại địa chỉ số E, Khu phố G, phường H, Quận K để chở khách, thời hạn thuê là 06 tháng (Kể từ ngày 20/9/2007 đến ngày 20/3/2008), giá thuê là 6.000.000 đồng/tháng, tiền đặt cọc là 10.000.000 đồng. Bị cáo đã nhận xe và sử dụng được khoảng 01 (một) tháng, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo điều khiển xe đến cầm tại tiệm cầm đồ tại tỉnh Đồng Nai (không nhớ địa chỉ) với giá 30.000.000 đồng. Đến ngày 30/10/2020, bị cáo cần tiền chuộc xe và tiêu xài cá nhân nên đã nhờ Phạm PT hỏi chỗ mượn tiền để chuộc xe. PT giới thiệu gặp ông Chu Q và được ông Q cho mượn 30.000.000 đồng, sau khi chuộc được xe thì L nhờ ông Q cầm xe ô tô nêu trên với giá 60.000.000 đồng, ông Q không cầm và giới thiệu L cho bà Phạm M, bà M đồng ý cầm xe ô tô cho L giá 60.000.000 đồng trong thời hạn 01 (một) tháng và đã quản lý chiếc xe này. Bị cáo sử dụng tiền cầm được từ bà M trả cho ông Q 30.000.000 đồng, rồi bỏ trốn. Do không liên lạc được với bị cáo, đến ngày 24/12/2007, ông T đến Công an Quận 7 trình báo vụ việc. Ngày 11/01/2008, Công an Quận 7 phối hợp với Công an huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương thu hồi được chiếc xe trên.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda màu trắng, biển số 56K-2200, số khung: 000738. số máy: 948659 do bà Nguyễn S (vợ ông Nguyễn T) đứng tên đăng ký. Tại Kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐGTTTHS ngày 20/02/2008 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 7 kết luận: xe ô tô 5 chỗ hiệu Mazda 323, biển số 56K-2200 có giá trị là 185.220.000 đồng.

* Về phần dân sự:

- Đối với ông Nguyễn T đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì về bồi thường;

- Đối với bà Phạm M yêu cầu bị cáo L trả lại số tiền 60.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 161/CT-VKSQ7 ngày 03 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điểm c Khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn L tại phiên toà hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và phù hợp với vật chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo Nguyễn L đã có hành vi thuê tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng (01 xe ô tô hiệu Mazda màu trắng, biển số 56K-2200, số khung: 000738, số máy: 948659 có trị giá là 185.220.000 đồng), rồi bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, nay là Điểm c Khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà ngày hôm nay, bị cáo Nguyễn L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 175; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo L từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù và miễn hình phạt tiền do bị cáo đang bị tạm giam và có hoàn cảnh khó khăn.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Phạm M yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 60.000.000 đồng, tại phiên toà bị cáo cũng đồng ý trả lại số tiền trên do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Trong thời gian tạm giam, bị cáo rất ăn năn hối cải, bị cáo biết hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ để bị cáo sớm về với gia đình, lo cho các vợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Theo quy định của Khoản 1 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 đang có hiệu lực thi hành, đồng thời khung hình phạt tại Điểm c Khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung

năm 2017 bằng với khung hình phạt quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phải truy tố bị cáo Nguyễn L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điểm d Khoản 2 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Vì vậy, Tòa án nhân dân Quận 7 sẽ xét xử bị cáo Nguyễn L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điểm d Khoản 2 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Về hành vi, quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị cáo Nguyễn L đã có hành vi thuê tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda màu trắng, biển số 56K-2200, số khung: 000738, số máy: 948659 của ông Nguyễn T bằng hình thức hợp đồng, rồi bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản. Theo Kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐGTTHS của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thì: Chiếc xe ô tô 5 chỗ hiệu Mazda 323, biển số 56K-2200 có giá trị là 185.220.000 (một trăm tám mươi lăm triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng. Hành vi này của bị cáo Nguyễn L đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp, do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn.

[5]. Bị cáo có nhân thân chưa bị kết án nhưng do tham lam tư lợi, lười nhác lao động đã cố ý thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân, không những gây mất trật tự trị an xã hội cần phải xử lý bị cáo bằng mức án nghiêm mới có đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6]. Về xử lý vật chứng: 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda màu trắng, biển số 56K-2200, số khung: 000738, số máy: 948659, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại tài sản cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Nguyễn T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm, tại phiên tòa vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xét.

- Bà Phạm M yêu cầu bị cáo L trả lại số tiền 60.000.000 đồng - Là số tiền mà bà đưa cho bị cáo L để nhận cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda màu trắng, biển số 56K-2200. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại. Việc người bị hại và bị cáo tự nguyện thỏa thuận không trái với chính sách pháp luật của Nhà nước nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8]. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 140; Điểm s khoản 1 Điều 51 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2020.

Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: Bị cáo phải trả cho bà Phạm M số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu bị cáo thi hành khoản tiền nói trên cho đến khi thi hành xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000 (ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Căn cứ các Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS quận 7;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Bị cáo;
- Lưu sổ án;
- Lưu hồ sơ (Hoà).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Mai Trần Cảnh